TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 01 - 2021
Về việc xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương H

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thể

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh H1 - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hà T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà T tham gia phiên toà: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà T mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ L số 76/2020/TLST- HNGĐ ngày 08/10/2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐ-ST ngày 21/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L; sinh năm 1995; Trú tại: Tổ dân phố Đông Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà T, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, SN 1993; Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Trường Sơn, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà T. Hiện đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và bản tự khai, quá trình giải quyết ly hôn chị Đinh Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Trần Văn Đ tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2012 tại UBND phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà T. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Năm 2016 khi vợ chồng mâu thuẫn gay gắt thì chị L đưa con về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng

bắt đầu sống ly thân từ đó. Đến năm 2019 anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay hai vợ chồng không liên lạc với nhau, chị không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở Nhật Bản mà chỉ biết anh Đ vẫn liên lạc về cho bố mẹ anh ở nhà. Nay chị Đinh Thị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về vấn đề con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 17/6/2013. Hiện con đang sống cùng chị L. Vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con, vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ hiện đang làm việc tại Nhật Bản, quá trình giải quyết vụ án không thể về Việt Nam do bận công việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương anh Đ cư trú trước khi xuất cảnh; làm việc với bố anh Đ là ông Trần Văn Th, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ dân phố Đông Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà T; gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh Đ do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung thể hiện: Hiện anh Trần Văn Đ đang làm việc tại Nhật Bản không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, việc chị L xin ly hôn anh đã biết. Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị L khai là đúng sự thật. Khi anh chưa đi sang Nhật Bản làm việc thì giữa vợ chồng cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp và sau khi anh sang Nhật Bản làm việc thì vợ chồng không có điều kiện quan T1 chăm sóc nhau nên tình cảm không còn. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Vì L do công việc anh không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 17/6/2013. Hiện con đang sống cùng chị L, anh đồng ý để chị L nuôi con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con đồng ý như nguyện vọng chị L. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố anh là ông Trần Văn Th nhận.

Đại diện VKSND tỉnh Hà T sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc xin ly hôn. Về vấn đề con chung: xử giao con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Đinh Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Đ đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Theo công văn số 19041/QLXNC- P5 ngày 23/10/2020 của Cục Quản L xuất nhập cảnh thì anh Trần Văn Đ đã xuất cảnh ngày 02/12/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà T đã thụ L vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do điều kiện công việc nên anh Đ yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố là Trần Văn Th nhận. Chị L vì L do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Đ, chị L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị L và anh Trần Văn Đ được hình thành cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày ngày 12/12/2012 tại UBND phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ thời gian đó. Đến năm 2019 anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay hai vợ chồng không liên lạc với nhau, vợ chồng hỏi han, không quan T1 chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ cũng thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được và vợ chồng sống xa nhau đã quá lâu nên tình cảm không còn nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị L và anh Đ không đạt được mục đích đó. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình yêu và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị L và anh Trần Văn Đ

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 17/6/2013, hiện con đang ở với mẹ. Chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, con từ nhỏ đến nay ở với mẹ hơn nữa anh Đ hiện không ở Việt Nam nên cần giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Quá trình làm việc anh Đ cũng đồng ý với nguyện vọng này của chị L. Xét thấy sự thỏa thuận này của chị L và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và đúng

pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hiện tại chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn: Chị Đinh Thị L tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 81, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị L ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Đinh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Anh Trần Văn Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc chị Đinh Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000060 ngày 08/10/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà T).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương H

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà T;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Kỳ Thịnh;
- Lưu HSVA.